

Bản án số: 02/2023/HS-ST

Ngày: 12 - 01 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh H3

Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 56/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/QĐST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn O; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 27/5/1962, tại: Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Xóm TL, xã LS, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 6/10; Nghề nghiệp: làm ruộng; Con ông Nguyễn Văn X (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Đ (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền sự: Không.

- Tiền án: Tại Bản án số 04/2017/HSPT ngày 09/1/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, phạt bổ sung 4.000.000 đồng. Hiện bị cáo chưa chấp hành xong án phí, hình phạt bổ sung.

Nhân thân:

+ Ngày 19/7/1999 thực hiện hành vi Đánh bạc, bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đồng Hỷ khởi tố, ngày 30/3/2000 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ ra Quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can do chuyển biến tình hình; Ngày 22/5/2005 thực hiện hành vi đánh bạc bị Công an huyện Đồng Hỷ xử lý vi phạm hành chính 7.000.000 đồng, đã nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/8/2022. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Thái Nguyên, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Gia H1; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 07/1/1978; tại: Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Xóm LH, xã VH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ

học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: làm ruộng; Con ông Nguyễn Gia T, đã chết; Con bà: Đỗ Thị P, đã chết; có vợ là Dương Thị H2, sinh năm 1979; Có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền sự: Không.

- Tiền án: Tại Bản án số 07/2019/HSST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo 12 tháng thử thách, phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc. Ngày 02/8/2022 chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Diệp Văn Đ1; tên gọi khác: Không có; sinh năm 1954; tại Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Xóm ĐC, xã NH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 4/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Diệp Văn L (đã chết); Con bà: Trương Thị S (đã chết); có vợ là Từ Thị B, sinh năm 1957; Có 07 người con, con lớn nhất sinh năm 1974, con nhỏ sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/7/1999 có hành vi Đánh bạc bị công an huyện Đồng Hỷ khởi tố, đến ngày 30/3/2000 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ ra Quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can do chuyển biến tình hình; Tại Bản án số 77/2016 ngày 30/9/2016 xử phạt 6 tháng tù cho hưởng án treo 12 tháng thử thách về tội Đánh bạc. Đã chấp hành xong bản án ngày 30/9/2017

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Tô Văn H3; tên gọi khác: Không có; sinh năm 1986; tại Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Xóm ĐC, xã NH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Tô Văn S1; con bà Ân Thị S, sinh năm 1959; có vợ là Trần Thị T1, sinh năm 1990; Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 79/2017/HSST ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 05 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Chấp hành xong bản án ngày 27/10/2018.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Tô Văn S2; tên gọi khác: Tô Văn V; sinh ngày 1983; tại Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Xóm ĐC, xã NH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Tô Văn N; Con bà Trương Thị S3; có vợ là Đặng Thị T2, sinh năm 1986; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 79/2017/HSST ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 17 tháng tù về tội “Đánh bạc” và tội “Tổ chức đánh bạc”. Chấp hành xong bản án ngày 12/3/2019.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Tô Văn Q; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 18/8/1990; tại Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm ĐC, xã NH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Tô Văn S1; Con bà Ân Thị S; có vợ là Đào Thị T1, sinh năm 1997; Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 95/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo 18 tháng thử thách về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong bản án 17/5/2021.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Trương Văn H4; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 22/5/1992; tại Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT Xóm TC, xã LS, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Trương Văn C; con bà Diệp Thị H5; có vợ là Hoàng Thị Liên, sinh năm 1999; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21/5/2015 bị công an huyện Đồng Hỷ xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi đánh nhau.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

8. Liễu Văn D; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 20/2/1984, tại: Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm TC, xã LS, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Liễu Văn H6; Con bà: Đặng Thị B; có vợ là Trương Thị L1, sinh năm 1985; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

9. Từ Văn L1; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 03/4/1987, tại Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm TC, xã LS, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; - Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Từ Quang V và bà Mạc Thị H7; có vợ là Mạc Thị V1, sinh năm 1988; Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/4/2022 đến ngày 08/5/2022. Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

10. Trương Văn H8; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 26/9/1964, tại Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm TC, xã LS, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 5/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Trương Văn L (đã chết); Con bà: Ma Thị H7; có vợ là Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963; Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/4/2022 đến ngày 08/5/2022. Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

11. Liễu Văn T3; tên gọi khác: Không có; sinh năm 1960; tại Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm TC, xã LS, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 3/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Liễu Văn K (đã chết); Con bà: Diệp Thị C1; có vợ là Lý Thị Ng (đã chết). Có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1979, con nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

12. Tô Văn T4; tên gọi khác: Không; sinh ngày 18/11/1988; tại Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm ĐC, xã NH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Tô Văn S1; Con bà: Ân Thị S; có vợ là Liễu Thị L2, sinh năm 1989; Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

13. Liễu Văn H6; tên gọi khác: Không có; sinh năm 1976; Nơi ĐKHKTT: Xóm TC, xã LS, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Liễu Văn L3; Con bà: Lăng Thị B; có vợ là Tô Thị H9, sinh năm 1979; Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phạm Thị P1, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm GC, xã HT, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Liễu Thị L2, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm ĐC, xã NH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Diệp Văn H3, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm CM, xã BĐ, huyện P1 Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Đặng Thị T2, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm CM, xã BĐ, huyện P1 Bình, tỉnh Thái Nguyên.

2. Từ Văn H3, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm TN, xã LS, thành phố Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 29/4/2022, Từ Văn L1 đến nhà Liễu Văn D (thường gọi là D Râu) ở Xóm TC, xã LS, thành phố Thái Nguyên để uống rượu. Tại đây L1 gặp Liễu Văn T3, Diệp Văn Đ1, Tô Văn T4, Tô Văn H3 cả nhóm ngồi ăn cơm uống rượu và rủ nhau cùng đi đánh bạc tại khu vực đồi cây trồng keo của gia đình anh Lăng Văn T5 (sinh năm 1992) ở Xóm TC. Sau đó H3, T4 quay về nhà T4 để rủ Nguyễn Gia H1 và Tô Văn Q cùng đi đánh bạc. Khoảng 13 giờ 30 cùng ngày L1, D, T3, Đ1, T3, Quang và Liễu Thị L2 (sinh năm 1989, trú tại: Xóm ĐC, xã NH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên- là vợ của Thắng) đi từ nhà D đến địa điểm đánh bạc. Trên đường đi đến khu vực ngã ba Xóm TC, xã LS thì gặp Trương Văn H8 và Phạm Thị P1 (sinh năm 1968, trú tại: Xóm GC, xã HT, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên - là bạn của H8), cả nhóm rủ H8 đi đánh bạc thì H8 đồng ý đi cùng. Đến địa điểm đánh bạc, D mang bát, đĩa, chẻ quân vị, trái bạt để cả nhóm đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa và đánh bằng vị. Khi bắt đầu đánh bạc thì T3 là người xóc cái, ngồi bên lẻ có H8, Đ1, ngồi bên chẵn là Q, D, L1, T3. L1 dùng bạt vị để đánh bạc với mọi người. Thắng xóc cái được khoảng 4 ván thì chuyển cho H8 xóc cái. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì lần lượt Nguyễn Văn O, H3, H1, Tô Văn S2, Liễu Văn H6, Trương Văn H4 đến. Ngoài ra còn có Từ Văn H3 (sinh năm 1981, trú tại: Xóm TN, xã LS, thành phố Thái Nguyên - là anh trai của L1); Đặng Thị T2 (sinh năm 1986, trú tại: Xóm ĐC, xã NH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên - là vợ của S2) cũng đến địa điểm đánh bạc để tìm L1 và S2. Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 16 giờ 15 P1t cùng ngày thì bị cơ quan công an phát hiện bắt quả tang gồm: L1, H8, L2, P1 còn các đối tượng khác đã chạy thoát.

Thu giữ trên chiếu bạc: 20.350.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; 04 quân vị dạng tre, một mặt được tô bằng bút dạ đen kích thước 1,8cm x 1,2cm; 01 bạt nilon màu xanh kích thước 3,5m x 0,7m; 01 bạt nilon màu xanh, một mặt màu cam kích thước 4,95m x 3,8m; 01 bát sứ màu trắng bên ngoài có họa tiết hoa màu đỏ, trên bát có chữ VIHASCO Made in Vietnam; 01 đĩa sứ màu trắng có hoa văn màu xanh; 01 bảng vị bằng giấy làm bằng vỏ cây thuốc lá Gold Lion, một mặt màu vàng, một mặt màu trắng được chia thành 04 ô (03 ô đen, 01 ô trắng) kích thước 29cm x 23,7cm; 04 ghế nhựa trong đó có 02 ghế nhựa màu đỏ, 02 ghế nhựa màu xanh cao 15cm; 01 bút dạ màu đen dài 13,5cm; 01 bát sứ màu trắng có hoa văn màu đỏ bên ngoài trên bát có dòng chữ “Thai Binh Made in Viet Nam”; 01 con dao chuôi gỗ, bằng kim loại dài 23cm; 04 mảnh tre trong đó 03 mảnh có kích thước T3 đồng nhau 117,5cm x 1,5cm, 01 mảnh có kích thước 11,7cm x 1,5cm.

Thu giữ trên người các đối tượng những tài sản sau: Của Từ Văn L1 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21, màu xanh đã qua sử dụng; của Trương Văn H8 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy M10, vỏ màu xanh đã qua sử dụng; của Phạm Thị P1 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 vỏ màu đỏ, đã qua sử dụng; của Liễu Thị L2 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 vỏ màu đen, 300.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Mở rộng hiện trường quanh khu vực các đối tượng đánh bạc phát hiện: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đen (của Nguyễn Văn O); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 vỏ màu đen (của Liễu Văn T3); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 vỏ màu đen (của Diệp Văn H3). Tất cả số vật chứng trên được niêm phong theo quy định.

Sau khi được triệu tập các đối tượng đã bỏ chạy khỏi hiện trường gồm có: Tô Văn Q, Liễu Văn T3, Nguyễn Gia H1, Tô Văn H3, Liễu Văn H6, Tô Văn T4, Diệp Văn Đ1, Tô Văn V, Trương Văn H4 đã tự nguyện đến làm việc tại Cơ quan điều tra, Liễu Văn D và Nguyễn Văn O vắng mặt tại địa phương, bị Cơ quan điều tra ra lệnh truy nã, ngày 21/8/2022 Dừng bị bắt theo lệnh truy nã, ngày 24/8/2022 Oánh đến đầu thú tại Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra xác định trước khi đánh bạc các bị cáo thông nhất như sau: Sử dụng 04 quân vị làm bằng tre chế mỏng kích thước khoảng (1,5 x 2)cm một mặt được bôi đen bằng bút dạ. Đặt 04 quân vị này trên chiếc đĩa bằng sứ sau đó úp bát con bằng sứ được bôi đen trong lòng bát bằng mực bút dạ. Người cầm cái là người ngồi ở chính giữa phía đầu mặt bạc sẽ xóc cái, sau đó để xuống mặt bạc. Người chơi là người ngồi dọc theo mặt bạc, phía tay trái người xóc cái là bên lẻ, phía tay phải là bên chẵn sẽ đặt tiền xuống mặt bạc. Sau đó người cầm cái mở bát. Căn cứ vào màu sắc của quân vị để tính ra chẵn lẻ, trong khi đánh bạc L1 là người cầm bảng vị để tham gia đánh bạc nghĩa là L1 không đặt cược với nhà cái cũng như hai bên chẵn, lẻ. L1 sử dụng bảng vị được làm bằng vỏ cây thuốc lá, mặt không in hình nhãn thuốc là được chia thành 4 ô trong đó ký hiệu mỗi ô khác nhau, ô để trống là 4 trắng, ô có hình chữ nhật được tô đen dài nhất là 4 đen, ô có hình chữ nhật tô đen ngắn hơn là 3 đen và ô có hình nhỏ nhất được tô đen là 1 đen. Khi người chơi đặt được vào ô 4 đen hoặc 4 trắng mà khi mở bát kết quả về 4 đen hoặc 4 trắng thì cứ đặt cược 50.000 đồng sẽ được L1 trả cho số tiền gấp 10 lần là 500.000 đồng, còn đặt cược ô 3 đen và 1 đen thì nếu thắng sẽ được L1 trả cho số tiền gấp 2 lần. Nếu kết quả không về như người chơi đặt cược thì L1 thắng hết số tiền đã đặt cược. Số tiền đặt cược thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng mỗi ván.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và khai rõ số tiền sử dụng đánh bạc gồm: Trương Văn H8 có khoảng 1.000.000 đồng; Từ Văn L1 có khoảng 4.000.000 đồng; Liễu Văn T3 có khoảng 1.900.000 đồng; Tô Văn Q có khoảng 1.200.000 đồng; Nguyễn Gia H1 có khoảng 700.000 đồng; Tô Văn H3 có khoảng 1.100.000 đồng; Liễu Văn H6 có khoảng 900.000 đồng; Trương Văn H4 có khoảng 500.000 đồng; Tô Văn T4 có khoảng 800.000 đồng; Diệp Văn Đ1 có khoảng 1.600.000 đồng; Tô Văn V có

khoảng 1.000.000 đồng; Nguyễn Văn O có khoảng 1.300.000 đồng; Liễu Văn D có khoảng 300.000 đồng để sử dụng đánh bạc, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án gồm:

- Thu giữ tại nơi đánh bạc số tiền: 20.350.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; tạm giữ của Liễu Thị L2: 300.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21 màu xanh, có số IMEI1: 861428056782478, IMEI2: 861428056782460 lắp sim có seri sim: 89840480000108399863, được niêm phong vào phong bì ký hiệu (A1).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M10, vỏ màu xanh, có số IMEI 1: 358470100780298, IMEI 2: 358471100780296. lắp sim có số seri: 8984048000062087796, được niêm phong vào phong bì ký hiệu (A2).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7, vỏ màu đỏ, có số IMEI 1: 868476034378417, IMEI 2: 868476034378409, lắp 02 sim có số seri sim lần lượt là: 8984048000312945273; 8984048000312945272, được niêm phong trong vào bì ký hiệu (A3).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, vỏ màu đen, có số IMEI 1: 866797051648914; IMEI 2: 866787051648900, lắp sim có số seri sim: 8984048000048228451, được niêm phong vào phong bì ký hiệu (A4).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106, Model: TA-1114, có số IMEI 1: 355755107299323, IMEI 2: 355755108299322 lắp 02 sim Viettel có số seri sim lần lượt là: Sim 1: 8984048008819481378, sim 2: 8984048000026175035, được niêm phong vào phong bì ký hiệu (A5).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12, vỏ màu đen, có số IMEI 1: 865073040124134; IMEI 2: 865073040124126, lắp sim có số seri sim: 8984048000066148015, được niêm phong vào phong bì ký hiệu (A6).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54, vỏ màu đen, có số IMEI 1: 867980059728738, IMEI 2: 867980059728720, lắp sim có số seri: 8984048000332162826, được niêm phong vào phong bì ký hiệu (A7).

- 04 (Bốn) quân vị bằng tre, một mặt được tô bằng bút dạ đen, kích thước 1,8cm x 1,2cm, được niêm phong vào phong bì ký hiệu (V).

- 01 (Một) bạt nilon màu xanh, kích thước 3,5m x 0,7m.

- 01 (Một) bạt nilon, một mặt màu xanh, một mặt màu cam, kích thước 4,95m x 3,8m.

- 01 (Một) bát sứ màu trắng, bên ngoài có họa tiết hoa màu đỏ, chôn bát có chữ VIHASCO Made in Viet Nam.

- 01 (Một) đĩa sứ màu trắng, có hoa văn màu xanh.

- 01 (Một) bảng vị bằng giấy, làm bằng vỏ cây thuốc lá Gold Lion, một mặt màu vàng, một mặt trắng được chia thành 04 ô (03 ô đen, 01 ô trắng), kích thước 29cm x 23,7cm.

- 04 (Bốn) ghế nhựa, trong đó 02 ghế màu đỏ, 02 ghế màu xanh có chiều cao 15 cm.

- 01 (Một) bút dạ màu đen, dài 13,5cm.
- 01 (Một) bát sứ màu trắng, có hoa văn màu đỏ bên ngoài, chôn bát có dòng chữ "Thai Binh Made in VietNam".
- 01 (Một) con dao chuôi gỗ, lưỡi bằng kim loại, dài 23 cm.
- 04 (Bốn) mảnh thanh tre, trong đó: 03 mảnh có kích thước T3 đồng nhau, có kích thước 17,5cm x 1,5cm; 01 mảnh có kích thước 11,7cm x 1,5cm.

Hiện đang được bảo quản tại tài khoản và kho vật chứng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 76/CT – VKS (P2), ngày 03/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn O, Nguyễn Gia H1, Diệp Văn Đ1, Tô Văn H3, Tô Văn S2, Tô Văn Q, Trương Văn H4, Liễu Văn D, Từ Văn L1, Trương Văn H8, Liễu Văn T3, Tô Văn T4 và Liễu Văn H6 về tội: “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự .

Phản luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn O, Nguyễn Gia H1, Diệp Văn Đ1, Tô Văn H3, Tô Văn S2, Tô Văn Q, Trương Văn H4, Liễu Văn D, Từ Văn L1, Trương Văn H8, Liễu Văn T3, Tô Văn T4 và Liễu Văn H6 phạm tội: “*Đánh bạc*” .

1. Về hình phạt áp dụng:

* Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS, xử phạt: Nguyễn Văn O: từ 8 đến 9 tháng tù.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS, xử phạt: Nguyễn Gia H1: từ 8 đến 9 tháng tù.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS, xử phạt: Liễu Văn D: từ 6 đến 7 tháng tù

* Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS, xử phạt: Diệp Văn Đ1: từ 7 đến 8 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 16 tháng

* Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS, xử phạt:

- Tô Văn Q; Tô Văn H3; Tô Văn S2: từ 7 đến 8 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 16 tháng

* Áp dụng khoản 1, điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt:

- Trương Văn H4; Từ Văn L1; Trương Văn H8; Tô Văn T4; Liễu Văn T3; Liễu Văn H6: Từ 6 đến 7 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng.

* Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự; phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000đ sung quỹ nhà nước.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu sung quỹ: 20.350.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

- Tạm giữ đảm bảo thi hành án: Của Từ Văn L1: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21 màu xanh; Trương Văn H8: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M10, vỏ màu xanh; Nguyễn Văn O: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106; Liễu Văn T3: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12, vỏ màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ vật chứng không có giá trị sử dụng.

- Trả lại cho:

+Phạm Thị P1: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7, vỏ màu đỏ;

+ Liễu Thị L2: 300.000 đồng và 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, vỏ màu đen;

+ Diệp Văn H3: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54, vỏ màu đen.

Buộc các bị cáo PH3 chịu án phí theo quy định.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định.

[2]. Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 29/4/2022, tại khu vực đồi trồng cây keo nhà anh Lương Văn T5 ở Xóm TC, xã LS, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Liễu Văn T3, Trương Văn H8, Từ Văn L1, Liễu Văn D, Nguyễn Văn O, Nguyễn Gia H1, Trương Văn H4, Liễu Văn H6, Diệp Văn Đ1, Tô Văn T4,

Tô Văn S2, Tô Văn H3, Tô Văn Q đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền, đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng và số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 20.350.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo về tội: “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Nội dung Điều 321 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

2. ...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, vì vậy cần pH3 được xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo Nguyễn Văn O và Nguyễn Gia H1 có 01 tiền án, chưa được xóa án tích, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm. Các bị cáo Liễu Văn T3, Trương Văn H8, Từ Văn L1, Liễu Văn D, Liễu Văn H6 và Tô Văn T4 chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Diệp Văn Đ1, Tô Văn S2, Tô Văn H3, Tô Văn Q và Trương Văn H4 chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn O đã đến cơ quan Công an đầu thú sau khi có quyết định truy nã của cơ quan điều tra; bị cáo Liễu Văn H6 có bố đẻ được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo Diệp Văn Đ1 có anh trai được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, các bị cáo Tô Văn Q, Tô Văn S2, Tô Văn H3, Tô Văn T4 có ông nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Liễu Văn T3, Trương Văn H8, Từ Văn L1, Liễu Văn D, Trương Văn H4, Liễu Văn H6, Diệp Văn Đ1, Tô Văn Q, Tô Văn S2, Tô Văn H3 và Tô Văn T4 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn O và Nguyễn Gia H1

phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tái phạm.

Các bị cáo Nguyễn Văn O, Nguyễn Gia H1 đã có tiền án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích, bị cáo Liễu Văn D sau khi phạm tội đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã, vì vậy khi quyết định hình phạt cần thiết phải cách ly các bị cáo một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo. Đối với các bị cáo Tô Văn Q, Tô Văn S2, Tô Văn H3, Diệp Văn Đ1 và Trương Văn H4 chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, xét thấy các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo, việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Các bị cáo Liễu Văn T3, Trương Văn H8, Từ Văn L1, Liễu Văn H6 và Tô Văn T4 chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Khi quyết định hình phạt xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, đồng thời cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo.

[5]. Vật chứng vụ án: Đối với số tiền 20.350.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; số tiền 300.000 đồng tạm giữ của Liễu Thị L2 không liên quan đến vụ án cần trả lại cho L2 quản lý, sử dụng; Đối với 04 chiếc điện thoại di động tạm giữ của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án; Đối với 03 chiếc điện thoại di động tạm giữ của Liễu Thị L2, Phạm Thị P1 và Diệp Văn H3 không liên quan đến vụ án cần trả cho L2, P1 và H3 quản lý, sử dụng; Các vật chứng khác không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích thu lợi bất chính nên phạt bổ sung một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước.

[7]. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8]. Các bị cáo PH3 chịu án phí Hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn O, Nguyễn Gia H1, Diệp Văn Đ1, Tô Văn H3, Tô Văn S2 (tên gọi khác Tô Văn V), Tô Văn Q, Trương Văn H4, Liễu Văn D, Từ Văn L1, Trương Văn H8, Liễu Văn T3, Tô Văn T4 và Liễu Văn H6 phạm tội: “Đánh bạc”.

I. Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn O: 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2022.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Liễu Văn D: 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2022.

* Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn O và bị cáo Liễu Văn D 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia H1: 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Diệp Văn Đ1: 8 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo: Tô Văn Q: 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Xử phạt bị cáo: Tô Văn H3 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Xử phạt bị cáo: Tô Văn S2 (tên gọi khác: Tô Văn V) 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo: Trương Văn H4 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Xử phạt bị cáo: Từ Văn L1 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Xử phạt bị cáo: Trương Văn H8 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Xử phạt bị cáo: Liễu Văn T3 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo: Tô Văn T4 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Xử phạt bị cáo: Liễu Văn H6 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Diệp Văn Đ1, Tô Văn Q, Tô Văn H3, Tô Văn S2, Tô Văn T4 cho UBND xã NH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Giao các bị cáo Trương Văn H4, Từ Văn L1, Trương Văn H8, Liễu Văn T3, Liễu Văn H6 cho UBND xã LS, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

7. Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Văn O, Nguyễn Gia H1, Diệp Văn Đ1, Tô Văn H3, Tô Văn S2, Tô Văn Q, Trương Văn H4, Liễu Văn D, Từ Văn L1, Trương Văn H8, Liễu Văn T3, Tô Văn T4 và Liễu Văn H6, mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

II. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền 20.350.000đ (hai mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

- 01 (một) bì niêm phong ký hiệu “**A1**”, trên mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi: “Điện thoại Vivo Y21 – Từ Văn L1. Ký hiệu (A1)”, để đảm bảo thi hành án cho Từ Văn L1; 01 (một) bì niêm phong ký hiệu “**A2**”, trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Trung Hiếu, Đào Quốc Bình, Trương Văn H8 và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi: “Điện thoại Samsung Galaxy M10. Ký hiệu (A2). Trương Văn H8”; để đảm bảo thi hành án cho Trương Văn H8; 01 (một) bì niêm phong ký hiệu “**A5**”, trên mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi: “Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia. Ký hiệu (A5)”, để đảm bảo thi hành án cho Nguyễn Văn O; 01 (một) bì niêm phong ký hiệu “**A6**”, trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Trung Hiếu, Đào Quốc Bình, Liễu Văn T3 và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi: “Điện thoại OPPO A12 – Liễu Văn T3. Ký hiệu (A6)”, để đảm bảo thi hành án cho Liễu Văn T3.

3. Trả lại cho Phạm Thị P1: 01 (một) bì niêm phong ký hiệu “**A3**”, trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Trung Hiếu, Đào Quốc Bình và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi: “Điện thoại OPPO F7 – Phạm Thị P1. Ký hiệu (A3)”;

4. Trả lại cho Liễu Thị L2: 01 (một) bì niêm phong ký hiệu “A4”, trên mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi: “Điện thoại OPPO A55 – Liễu Thị L2. Ký hiệu (A4)”; số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Trả lại cho Diệp Văn H3: 01 (một) bì niêm phong ký hiệu “A7”, trên mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi: “Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54. Ký hiệu (A7)”.

6. Tịch thu tiêu huỷ:

- 01 (Một) bì niêm phong ký hiệu “V”, trên mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn đỏ của Công an xã LS, Công an thành phố Thái Nguyên, T.Thái Nguyên, bên ngoài ghi: “04 (Bốn) quân vị bằng tre, có một mặt đen, một mặt trắng”; 01 (Một) bát nylon màu xanh, kích thước 3,5m x 0,7m; 01 (Một) bát nylon, một mặt màu xanh, một mặt màu cam, kích thước 4,95m x 3,8m; 01 (Một) bát sứ màu trắng, bên ngoài có họa tiết màu đỏ, chôn bát có chữ VIHASCO Made in VietNam; 01 (Một) đĩa sứ màu trắng, có hoa văn màu xanh; 01 (Một) Bảng vị bằng giấy, làm bằng vỏ cây thuốc lá Gold Lion, một mặt màu vàng, một mặt trắng được chia thành 04 ô (03 ô đen, 01 ô trắng), kích thước 29cm x 23,7cm;

- 04 (Bốn) ghế nhựa, trong đó 02 ghế màu đỏ, 02 ghế màu xanh có chiều cao 15 cm; 01 (Một) bút dạ màu đen, dài 13,5cm.

- 01 (Một) bát sứ màu trắng, có hoa văn màu đỏ bên ngoài, chôn bát có dòng chữ “Thai Binh Made in VietNam”;

- 01 (Một) con dao chuôi gỗ, lưỡi bằng kim loại, dài 23 cm;

- 04 (Bốn) mảnh thanh tre, trong đó: 03 mảnh có kích thước T3 đồng nhau, có kích thước 17,5cm x 1,5cm; 01 mảnh có kích thước 11,7cm x 1,5cm.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 82, ngày 22 tháng 9 năm 2022 giữa Công an tỉnh Thái Nguyên với Cục THADS tỉnh Thái Nguyên; số tiền theo ủy nhiệm chi số 273 ngày 22/9/2022).

III. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn O, Nguyễn Gia H1, Diệp Văn Đ1, Tô Văn H3, Tô Văn S2, Tô Văn Q, Trương Văn H4, Liễu Văn D, Từ Văn L1, Trương Văn H8, Liễu Văn T3, Tô Văn T4 và Liễu Văn H6, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTC;TANDCC;Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn